

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẠM LỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 628/QĐ-UBND

Trạm Lộ, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Tổ dân phố Nghi An, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh để phục vụ GPMB tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẠM LỘ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số điều về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 11/2021/TT-BXD, 12/2021/TT-BXD, 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-SXD ngày 25/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Công văn số 3209/UBND-KTN ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giới thiệu địa điểm, thống nhất các vị trí cải tạo, mở rộng nghĩa trang phục vụ GPMB các dự án liên quan đến Cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của Ủy ban nhân dân phường Trạm Lộ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Tổ dân phố Nghi An, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh để phục vụ GPMB tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội;

Theo đề nghị tại Báo cáo số 10/BCTĐ-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Tổ dân phố



Nghi An, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh để phục vụ GPMB tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư **Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Tổ dân phố Nghi An, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh để phục vụ GPMB tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội:**

1. Tên dự án: **Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Tổ dân phố Nghi An, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh để phục vụ GPMB tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội.**

2. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình: Dự án nhóm C; loại công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Trạm Lộ.

4. Nhà thầu tư vấn lập dự án

- Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ Thành An.

5. Địa điểm xây dựng: Phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh.

6. Mục tiêu đầu tư: Phục vụ giải phóng mặt bằng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội.

7. Quy mô đầu tư, xây dựng: **Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tổ dân phố Nghi An, phường Trạm Lộ có diện tích khoảng 2,38ha để phục vụ GPMB tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình đến thủ đô Hà Nội. Gồm các hạng mục GPMB; san nền, đường giao thông nội bộ; hệ thống thoát nước; cây xanh; cổng, tường rào; nhà quản trang, nhà tang lễ; khu thấp hương chung và các công trình phụ trợ khác.**

Giải pháp thiết kế chính

7.1. San nền: San nền khu đất xây dựng bằng đất đầm chặt $K=0,85$, khối lượng san nền được xác định dựa trên phương pháp chia lưới ô vuông $(5 \times 5)m$, độ dốc san nền tối thiểu $i=0,40\%$.

7.2. Đường giao thông: Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ gồm 07 tuyến có tổng chiều dài 644,39m. Giải pháp thiết kế như sau:

- Các tuyến trục giao thông chính có bề rộng mặt đường $2 \times 3,50 = 7,00m$ hè đường rộng từ $2 \times 1,00 = 2,00m$ đến $2 \times 1,50 = 3,00m$; Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, độ dốc ngang hè đường $i=1,5\%$.

- Các tuyến giao thông khu vực có mặt đường 3,50m hè đường rộng từ $(0,18+1,00)m$ đến $2 \times 1,00 = 2,0m$. Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$ (dốc 1 mái), độ dốc ngang hè đường $i=1,5\%$.

- Các lối đi giữa các khu mộ rộng từ 1,00m đến 1,20m hai bên được xây bằng gạch chỉ không nung M100 vữa xi măng M75, trên đỉnh trát VXM M75 dày 1,50cm. Kết cấu lối đi lát gạch Terrazzo dày 3cm trên lớp bê tông móng M150 đá 2x4 dày 10cm.

- Nền đường được đắp bằng cát đầm chặt $K=0,95$ mặt đường bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm trên lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

- Hè đường được lát gạch Terrazzo dày 3cm trên lớp bê tông móng M150 đá 2x4 dày 10cm.

- Bó vỉa lát bằng BTXM M250, kích thước (18x22x100)cm trên đường thẳng và (18x22x25)cm trên đường cong bán kính nhỏ hơn 20m. Lớp móng bằng BTXM M150.

- Khóa hè bằng gạch không nung M100 vữa xi măng M75 trên lớp lót móng BTXM M150, mặt trên được trát VXM M75 dày 1,50cm.

7.3 Cây xanh: Cây xanh bao gồm cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan, cây xanh bóng mát. Cây xanh được trồng chủ yếu các loại như Keo tai tượng, Ngâu, Hoa ban trắng, Hoa đại, Hoa giấy, Mẫu đơn...

7.4 Kè đá, tường bao: Xây dựng xung quanh nghĩa trang kè đá kết hợp với tường bao, kè gạch tại khu giáp ranh giữa nghĩa trang hiện trạng và nghĩa trang mở rộng.

- Xây dựng kè đá xây có thân và móng tường chắn bằng đá hộc xây vữa xi măng M100, đệm móng bằng đá dăm dày 10cm. Giằng đỉnh bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 rộng 45cm, dày 20cm. Nền móng gia cố bằng cọc tre.

- Tường bao và cột bằng gạch không nung M100, xây VXM M75, bên ngoài được trát VXM M75 và được sơn 03 lớp gồm 01 lớp lót và 02 lớp phủ. Cột tường bao được bố trí cách nhau trung bình 3,0m/1 cột. Cứ khoảng 15m bố trí một khe phòng lún. Giằng tường đỉnh bằng BTCT M200 đá 1x2 liên kết phần tường và cột. Đỉnh tường được lát ngói mũi hài.

7.5 Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa bao gồm rãnh xây, cống hộp kết hợp với cửa thu, ga thu thăm kết hợp.

- Ống cống hộp bằng BTCT mác M300, thép kéo nguội, thi công theo công nghệ rung lõi có khẩu độ $B \times H = (0,60 \times 0,60)m$ và $(1,00 \times 1,00)m$.

- Thân rãnh xây bằng gạch không nung M100 xây vữa xi măng M75, bên trong trát VXM M75 dày 1,5cm. Móng rãnh bằng BTXM M150 đá 2x4.

- Thân mương xây bằng gạch không nung M100 xây vữa xi măng M75, bên trong trát VXM M75 dày 1,5cm.

- Ga thu và ga thăm: Ga thu, ga thăm xây bằng gạch không nung M100 xây VXM M75, bên trong trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm. Móng bằng BTXM M150 đá 2x4. Tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2. Lưới chắn rác bằng Composite kích thước (96x53)cm và (1050x475)mm tải trọng đảm bảo vị trí đặt ga.

- Cửa thu bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn thu nước trực tiếp từ mặt đường dẫn vào ga thăm. Lưới chắn rác bằng Composite có kích thước (96x53)cm tải trọng 250KN.

- Cửa xả có tường đầu, tường cánh bằng BTXM M200, móng bằng BTXM M150 bên dưới đệm đá dăm dày 10cm.

7.6 Vệ sinh môi trường:

- Toàn bộ rác thải được thu gom và sau đó được vận chuyển tới bãi xử lý rác chung trong khu vực.

- Thu gom toàn bộ khu nghĩa trang gồm 11 thùng rác dung tích 80 lít đặt tại các điểm thuận tiện trong khu vực.

7.7 Cổng chính:

Được thiết kế với tổng chiều rộng $L = 11,0\text{m}$, tổng chiều cao là $5,4\text{m}$ (chưa tính phần trang trí). Mái dán ngói mũi hài KT150x150x11,5mm màu đỏ trắng men loại 85 viên/m². Phần cánh cổng chính và cổng phụ được làm bằng sắt vuông, thanh chính KT40x80x2mm kết hợp với các thanh chống phụ KT25x25x1,2mm, sắt đặc 16x16 làm hoa văn, sơn 1 nước chống gỉ 2 nước màu. Kết cấu móng là hệ móng đơn BTCT mác 250 đá 2x4, lót móng bằng bê tông đá 4x6, mác 150 dày 10cm, kết hợp với hệ khung cột, dầm, sàn mái bằng BTCT mác 250 đá 1x2. Phần thân móng, thân trụ cổng xây gạch xi măng mác 100, vữa xi măng mác 75, tường, cột dầm, trần, phào chỉ trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Toàn bộ tường sơn 1 nước lót 2 nước màu.

7.8 Cổng phụ

Được thiết kế với tổng chiều rộng $L = 7,0\text{m}$, tổng chiều cao là $5,4\text{m}$ (chưa tính phần trang trí). Mái dán ngói mũi hài KT150x150x11,5mm màu đỏ trắng men loại 85 viên/m². Phần cánh cổng được làm bằng sắt vuông, thanh chính KT40x80x2mm kết hợp với các thanh chống phụ KT25x25x1,2mm, sắt đặc 16x16 làm hoa văn, sơn 1 nước chống gỉ 2 nước màu. Kết cấu móng là hệ móng đơn BTCT mác 250 đá 2x4, lót móng bằng bê tông đá 4x6, mác 150 dày 10cm, kết hợp với hệ khung cột, dầm, sàn mái bằng BTCT mác 250 đá 1x2. Phần thân móng, thân trụ cổng xây gạch xi măng mác 100, vữa xi măng mác 75, tường, cột dầm, trần, phào chỉ trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Toàn bộ tường sơn 1 nước lót 2 nước màu.

7.9 Nhà tang lễ:

Xây mới nhà quản trang với diện tích khoảng $S = 139,35\text{m}^2$, tổng chiều cao $8,92\text{m}$. Nhà sử dụng hệ khung BTCT chịu lực kết hợp với tường bao quanh; sử dụng cọc đóng có tiết diện 250x250mm; Cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2; Tường móng, thân xây gạch xi măng mác 100, vữa xi măng mác 75; Trát tường, cột, dầm trần trong và ngoài nhà, phào, gờ chỉ trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm; Nền nhà lát gạch đỏ KT300x300mm. Toàn bộ tường trong và ngoài nhà sơn 1 nước lót 2 nước màu, trần sơn 3 nước màu trắng, mái sênô quét chống thấm bằng 2 lớp SIKA. Mái dán ngói mũi hài KT150x150x11,5mm màu đỏ trắng men loại 85 viên/m². Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước lắp đặt đồng bộ.

7.10 Nhà tường niệm (khu thấp hương chung):

Xây mới nhà tường niệm (khu vực thờ cúng, lư hương) với diện tích $S=46,33m^2$, tổng chiều cao 6,25m, cốt mái 1 cao 3,7m, cốt mái 2 cao 6,25m. Móng bê tông lót mác 150 đá 4x6 dày 10cm, hệ móng đơn BTCT mác 250 đá 2x4, kết hợp với hệ khung cột, dầm, sàn mái bằng BTCT mác 250 đá 1x2. Tường móng, thân xây gạch xi măng mác 100, vữa xi măng mác 75. Tường cột, dầm, trần trong và ngoài, phào, gờ chỉ trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm, các họa tiết, hoa văn, con giống, con tiện, conson... bằng bê tông xi măng đúc sẵn. Mái dán ngói mũi hài KT150x150x11,5mm màu đỏ trắng men loại 85 viên/m². Toàn bộ tường trong và ngoài nhà sơn 1 nước lót 2 nước màu, trần sơn 3 nước màu trắng.

7.11 Các hạng mục khác:

Đầu tư các hệ thống cấp nước, cấp điện, chiếu sáng... đồng bộ phù hợp với yêu cầu sử dụng.

8. Số bước thiết kế: 02 bước, bao gồm thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
I	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát	
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bản đồ địa hình Quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000	QCVN 72:2023/BTNMT
3	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 (phần ngoài trời)	96TCN 43-90
5	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
6	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
II	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế	
1	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
2	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
3	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
4	Thiết kế mặt đường bê tông thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
5	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD ban hành kèm theo thông tư số 15/2023/TT-BXD của Bộ Xây Dựng ngày 29/12/2023.	QCVN 07:2023/BXD
6	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-2023
7	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài -	TCVN 7957:2023

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
	Yêu cầu thiết kế	
8	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
9	Tiêu chuẩn thiết kế ống cống BTCT	TCVN9113:2012
10	Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép	TCVN 5573: 2011
11	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13606:2023
III	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu	
1	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252 :2012
2	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
3	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
4	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
5	Thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
6	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858:2023
7	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
8	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
11	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012

10. Tổng mức đầu tư: 45.369.000.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Chi phí GPMB: 13.203.778.000 đồng
- Chi phí xây dựng: 27.930.514.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 56.650.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 675.410.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.115.613.000 đồng
- Chi phí khác: 324.761.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 1.062.274.000 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách phường và những nguồn vốn hỗ trợ khác (nếu có).

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026÷2028

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ nguồn vốn được bố trí để thực hiện việc phân chia các gói thầu hợp lý và tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo các quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND phường, Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tùng

